

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN ĐỜI SỐNG NGƯỜI DÂN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP XÃ
 (Kèm theo Thông báo số 134/TB-KT ngày 09/9/2025 của Phòng Kinh tế xã Bắc Thanh Miện)

I. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
1.	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết	18 ngày làm việc	09 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO				
2.	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	7,5 ngày	
3.	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày	7,5 ngày	
4.	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày	7,5 ngày	
5.	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15 ngày	7,5 ngày	
6.	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hằng năm được quy định từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	Việc rà soát hộ nghèo, cận nghèo định kỳ hằng năm được quy định từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm.	
III.	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
7.	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15	7,5	
IV.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP				
8.	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	60 ngày	30 ngày	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
V.	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI				
9.	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
10.	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13 ngày làm việc	6,5 ngày làm việc	
VI.	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
11.	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	5 ngày	2,5 ngày	
12.	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày	9,5 ngày	
13.	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	- Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 7 ngày làm việc; - Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 10 ngày làm việc.	- Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 3,5 ngày làm việc; - Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác: 05 ngày làm việc.	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
14.	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
15.	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	9 ngày	4,5 ngày	
16.	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư	24 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
VII.	LĨNH VỰC KIỂM LÂM				
17.	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày	9,5 ngày	
18.	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	12 ngày	5,5 ngày	
VIII.	LĨNH VỰC THỦY LỢI				
19.	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước <i>(đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)</i>	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
20.	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
21.	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
22.	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
23.	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
24.	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
25.	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
IX.	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC				
26.	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
X.	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT				
27.	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
XI.	LĨNH VỰC THỦY SẢN				

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
28.	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	63 ngày	31,5 ngày	
29.	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	70 ngày - Đối với thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 07 ngày làm việc - Đối với sửa đổi, bổ sung vị trí ranh giới: 63 ngày làm việc	35 ngày - Đối với thay đổi tên tổ chức cộng đồng: 3,5 ngày làm việc; - Đối với sửa đổi, bổ sung vị trí ranh giới: 31,5 ngày làm việc.	
30.	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	06 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
XII.	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI				
31.	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
32.	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	22 ngày làm việc	11 ngày làm việc	
XIII.	LĨNH VỰC THÚ Y				

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
33.	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	25 ngày	12,5 ngày làm việc	
XIV. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI					
34.	1.012812	Hoà giải tranh chấp đất đai	- 30 ngày - 40 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 15 ngày - 20 ngày đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
35.	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	- 20 ngày làm việc - 30 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 10 ngày làm việc - 15 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
36.	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	- 25 ngày làm việc - 35 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	- 12,5 ngày làm việc - 20 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
37.	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	- 08 ngày làm việc - 18 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 04 ngày làm việc - 14 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
38.	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	- 17 ngày làm việc - 27 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 10 ngày làm việc - 20 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
39.	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh	- 7,5 ngày - 17,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	tế - xã hội đặc biệt khó khăn	kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
40.	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	- 15 ngày - 25 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 7,5 ngày - 12,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
41.	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	-Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 15 ngày)	-Trường hợp đề nghị điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện - kể cả thời gian gia hạn	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			- Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày)	được cộng thêm 10 ngày làm việc) - Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư: không quá 7,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17,5 ngày)	
42.	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	- 07 ngày - 17 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 3,5 ngày - 8,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
43.	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu	- 35 ngày	- 17,5 ngày	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	- 45 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 22,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
44.	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- 17 ngày - 27 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 8,5 ngày - 18,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
45.	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	- 10 ngày - 20 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 05 ngày - 10 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
46.	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	- Thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 15 ngày (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 25 ngày.) - Thời gian gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 07 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi,	- Thời gian thực hiện thủ tục phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp không quá 7,5 ngày (Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17,5 ngày.) - Thời gian gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp là không quá 3,5 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi,	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 17 ngày làm việc)	biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện không quá 8,5 ngày làm việc)	
47.	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	- 45 ngày - 60 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- 22,5 ngày - 32,5 ngày Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	
XV.	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC				
48.	1.004082	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
XVI.	LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO				
49.	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	29 Ngày làm việc	14,5 ngày làm việc	
50.	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 Ngày làm việc	12 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
51.	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	39 Ngày làm việc	19,5 ngày làm việc	
52.	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 Ngày làm việc	12 ngày làm việc	
53.	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	14 Ngày làm việc	07 ngày làm việc	
XII.	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI				
54.	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	30 ngày	15 ngày	
55.	1.012995	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Cùng với thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định về cấp giấy chứng nhận	Cùng với thời hạn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Nghị định về cấp giấy chứng nhận	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
221.	1011769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	75 ngày	37 ngày	
XVII	LĨNH VỰC HẢI QUAN				
222.	1.011729	Thủ tục xác nhận vật tư, thiết bị là hàng hóa nhập khẩu phục vụ dự án chế tạo thiết bị sản xuất vật liệu xây không nung nhẹ và sản xuất gạch xi măng - cốt liệu công suất từ 10 triệu viên quy tiêu chuẩn/năm trở lên thuộc Nhóm 98.22	10 ngày	5 ngày	
XVIII	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG				
223.	3.000161	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.	25 ngày	12,5 ngày	

II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY				
1.	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
2.	1.004047	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
3.	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
4.	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
5.	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
6.	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
7.	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Cấp thành phố khác	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
8.	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
9.	2.001659	Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
10.	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
11.	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
12.	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
13.	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
14.	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
15.	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
16.	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
17.	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
18.	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	02 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
19.	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
20.	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
21.	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
22.	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
23.	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
24.	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	Không quá 02 (hai) giờ làm việc kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
25.	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	03 giờ	03 giờ	
II	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ				
26.	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	01 ngày đối với đám tang, không quá 05 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	01 ngày đối với đám tang, không quá 2,5 ngày làm việc đối với các trường hợp khác kể từ khi tiếp nhận hồ sơ	
27.	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	7 Ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
28.	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cô động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
29.	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG				
30.	1.013225	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài,	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
		tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	nhà ở riêng lẻ.	nhà ở riêng lẻ..	
31.	1.013229	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày đối với công trình và 15 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	10 ngày đối với công trình và 7,5 ngày đối với nhà ở riêng lẻ..	
32.	1.013232	Thủ tục cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	
33.	1.013226	Thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	20 ngày. Trường hợp cần phải xem xét thêm, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải thông báo bằng văn bản	10 ngày đối với công trình và 05 ngày đối với nhà ở riêng lẻ.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
			cho chủ đầu tư biết lý do nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn quy định.		
34.	1.013227	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
35.	1.013228	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
36.	1,013234	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.	- Không quá 20 ngày đối với công trình cấp đặc biệt, I; - Không quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 10 ngày đối với công trình còn lại.	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian theo quy định	Thời gian đã cắt giảm	Ghi chú
37.	1,013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày, - Dự án nhóm B không quá 25 ngày, - Dự án nhóm C không quá 15 ngày.	- Dự án nhóm A không quá 17,5 ngày, - Dự án nhóm B không quá 12,5 ngày, - Dự án nhóm C không quá 75 ngày.	
IV	LĨNH VỰC NHÀ Ở				
38.	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	07 ngày	3,5 ngày	
V	LĨNH VỰC QUY HOẠCH KIẾN TRÚC				
39.	1.008455	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	15 ngày.	7,5 ngày.	
40.	1.002662	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày	
41.	1.003141	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	20 ngày	10 ngày	

III. LĨNH VỰC CÔNG THƯỜNG

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HOÁ TRONG NƯỚC				
1.	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc	Trong thời hạn 5 ngày làm việc	
2.	2.001240	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 7 ngày làm việc	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc	
3.	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 7 ngày làm việc	Trong thời hạn 3,5 ngày làm việc	
4.	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
5.	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
6.	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc	
7.	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc	5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
8.	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 7 ngày làm việc	- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 5 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại Giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: 3,5 ngày làm việc	
9.	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ				
10.	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
11.	2.001270	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai chính	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
12.	2.001261	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ				
13.	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản	hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản	
14.	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù	- Trong thời hạn 22,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			hợp.	hợp.	
IV.	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG				
15.	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn (QĐ công bố 30 ngày)	Theo Kế hoạch tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo từng kỳ bình chọn: 15 ngày	
V.	LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG				
16.	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Không quy định	Không quy định	

IV. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP (HỘ KINH DOANH)				
1.	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
2.	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
3.	2.002641	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
4.	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
5.	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	- Trường hợp cấp đổi: 03 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách nát, bị tiêu hủy: 01 ngày làm việc	- Trường hợp cấp đổi: 1,5 ngày làm việc - Trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách nát, bị tiêu hủy: 01 ngày làm việc	
6.	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin: 01 ngày làm việc. - Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh	- Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin: 01 ngày làm việc. - Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh: 1,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			doanh: 03 ngày làm việc		
7.	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
II.	LĨNH VỰC LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, HỖ TRỢ CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ				
8.	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
9.	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo.	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
10.	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
11.	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
12.	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
13.	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
14.	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
15.	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
16.	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
17.	2.002644	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
18.	2.002645	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
19.	2.002646	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
20.	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
21.	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
22.	2.002650	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
23.	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
24.	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
25.	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
26.	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
27.	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
28.	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
29.	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
30.	1.005377	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
31.	2.001973	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
32.	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
33.	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
34.	2.002227	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	
35.	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	
36.	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN				

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
37.	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	- 22 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND cấp xã. - 29 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND thành phố.	- 11 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND cấp xã. - 14,5 ngày đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Chủ tịch UBND thành phố.	
38.	3.000325	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản KCHT thủy lợi (đối với tài sản KCHT thủy lợi do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc UBND TP quản lý)	30 ngày	15 ngày	